

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HC-ST

Ngày 05/3/2026

*“V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực giải
quyết chế độ thương binh”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

Bà Nguyễn Thị Diệu Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HC ngày 14 tháng 01 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết chế độ thương binh*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HC ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Bùi Văn P, sinh năm 1954. Số CCCD 052054005444, cấp ngày 10/8/2021; Địa chỉ: H P, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B;

- Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Sở Nội vụ tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đình H - Phó Giám đốc Sở N (theo Văn bản ủy quyền số 429/SNV-VP ngày 25/7/2025 của Giám đốc Sở N). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Đức T – Trưởng phòng Phòng Thi đua, Khen thưởng và Người có công, Sở Nội vụ tỉnh G; Địa chỉ làm việc: 88 P, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công an tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến C - Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Công an tỉnh G (theo Giấy ủy quyết số 2643/GUQ-CAT-PX01, ngày 03/3/2026 của Giám đốc Công an tỉnh G). Địa chỉ làm việc: A T, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Bùi Văn P trình bày:

Tháng 12/1971, ông Bùi Văn P tham gia Cách mạng trực tiếp tại Ban an ninh thị xã Q, tỉnh Bình Định (nay là Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định). Trong quá trình công tác, từ tháng 12/1971 đến tháng 4/1975, bản thân ông đã bị thương 04 lần lúc đang chiến đấu với quân Mỹ nguy, trong đó 03 lần bị thương tại Đ là chiến khu Đông của tỉnh Bình Định, 01 lần bị thương tại núi bà Cát C1. Các vết thương bao gồm: 01 vết tại bắp đùi chân trái, 01 vết tại đầu gối chân phải, 01 vết tại mí mắt phải nay vẫn còn mảnh đạn, 01 vết trên đỉnh đầu nay vẫn còn vết lõm. Các lần bị thương ông P được điều trị tại bệnh xá khu Đ, tọa lạc tại N bà Cát C1. Năm 1977 lãnh đạo Công an tỉnh B đã giới thiệu ông đến Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Định để khám giám định thương tật, kết quả thương tật 7% mất sức lao động. Lúc đó ông được nhận 17 đồng tiền trợ cấp một lần do mất sức lao động. Từ đó ông vẫn tiếp tục công tác trong lực lượng Công an tỉnh B. Trong quá trình công tác các vết thương trong cơ thể ông bị tái phát phải điều trị tại bệnh xá Công an tỉnh, sức khỏe của ông bị suy giảm. Tháng 4/1990 lãnh đạo Công an tỉnh B cấp giấy giới thiệu cho ông đến Trung tâm giám định y khoa tỉnh để khám giám định thương tật lần 2 và kết quả mất sức lao động là 21%. Trên cơ sở đó, Giám đốc Công an tỉnh B đã cấp Thẻ thương binh hạng 4/4 cho ông, mỗi tháng nhận tiền trợ cấp là 50.000 đồng.

Tháng 7/1990, ông P xin nghỉ việc vì lý do sức khỏe, lãnh đạo Công an tỉnh cho ông nghỉ việc theo nguyện vọng. Sau đó, Công an tỉnh B đã chuyển hồ sơ thương binh của ông đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B để tiếp tục nhận tiền trợ cấp hàng tháng. Tháng 4/1994, Sở L có Thông báo tạm dừng

chi trả trợ cấp hàng tháng đối với ông P để chờ ý kiến giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Từ đó ông chờ đợi mà không được cấp nào giải quyết. Vì không có cấp nào giải quyết nên ông đã làm đơn gửi đến Sở L yêu cầu giải quyết chế độ.

Đến gần 22 năm sau, vào ngày 11/01/2016 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có Văn bản số 80/SLĐTBXH-NCC gửi cho ông nêu lý do ông P vi phạm khoản 2 Điều 72 Nghị định số 28/CP, ngày 29/4/1995 của Chính phủ về *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng*. Theo ông được biết khoản 2 Điều 72 Nghị định số 28/CP áp dụng cho những trường hợp người man khai, giả mạo giấy tờ để được hưởng thêm chế độ ưu đãi cụ thể: M khai về tuổi đời, thời gian công tác, về vết thương thì tạm đình chỉ việc hưởng chế độ ưu đãi thì phải bồi hoàn số tiền đã lĩnh do man khai hoặc giả mạo và xem xét xác định lại cho hưởng đúng chế độ của Nghị định này. Đồng thời ông được biết khoản 5 Điều 9, Điều 31, Điều 32, Điều 41 của Nghị định số 28/CP và Điều 32 của pháp lệnh số 36-L/CTN ngày 01/01/1995 thì lý do Sở L dừng chi trả cho ông là hoàn toàn không đúng với tinh thần của Nghị định số 28/CP và pháp lệnh số 36-L/CTN. Ông P không đồng ý và tiếp tục viết đơn khiếu nại đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B.

Đến ngày 19/4/2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có văn bản số 1196 và ngày 5/9/2024 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có văn bản số 3093 đều trả lời ông P vi phạm khoản 2 Điều 72 Nghị định 28/CP nên dừng trợ cấp thương binh. Ngày 26/12/2024, ông được mời đến Sở L để đối thoại giải quyết công việc của ông. Tại cuộc họp ông Phan Đình H là Phó giám đốc Sở L đã nêu kết luận việc ông tham gia cách mạng là đúng, bị thương là đúng. Như vậy, đã rõ ràng ông không vi phạm khoản 2 Điều 72 của Nghị định 28/CP, theo tinh thần của Pháp lệnh số 36-L/CTN đã được quy định tại Điều 32: *“Chế độ ưu đãi theo quy định của pháp lệnh này được áp dụng đối với những người hoạt động Cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng đã được công nhận trước ngày pháp lệnh có hiệu lực và những người được tiếp tục công nhận say ngày pháp lệnh có hiệu lực”*. Đồng thời căn cứ vào khoản 4 Điều 72 Nghị định số 28/CP quy định *“Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây trở ngại hoặc do thiếu trách nhiệm dẫn đến những sai phạm trong việc xác nhận làm thiệt hại đến quyền lợi của người có công cách mạng thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”*.

Do đó, ông Bùi Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy văn bản số 80/SLĐTBXH - NCC ngày 11/01/2016; Văn bản số 1196/SLĐTBXH – NCC ngày 19/4/2024; Văn bản số 3093/SLĐTBXH – NCC ngày 05/9/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) v/v trả lời đơn đề nghị hưởng lại chế độ thương binh của ông Bùi Văn P.

- Buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) giải quyết để ông Bùi Văn P được hưởng lại trợ cấp thương binh theo quy định của pháp luật kể từ ngày Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B tạm dừng chi trả đối với ông Bùi Văn P năm 1994 đến nay.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) là ông Phan Đình H - Phó Giám đốc Sở N có văn bản trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ đang quản lý tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B, ông Bùi Văn P hiện có 02 bộ hồ sơ thương binh đã được xác lập và hưởng trợ cấp như sau:

- Căn cứ xác lập hồ sơ thứ nhất: Nghị định số 08/NĐ/76 ngày 17/6/1976 của Hội đồng chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam về chính sách, chế độ đối với thương binh liệt sĩ và gia đình liệt sĩ; Thông tư số 05-TT/76 ngày 17/6/1976 của Phủ Chủ tịch chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 08/NĐ/76.

Thành phần hồ sơ: Bản khai hưởng trợ cấp thương tật từ ngày 25/11/1977 của ông Bùi Văn P khai bị thương ngày 19/3/1973, với các vết thương: “1, vết chân trái. Bị thương trong trường hợp chống địch nóng lán, sau địch rút gọi pháo bắn (1973); 2, M1 mắt phải. Bị thương trong trường hợp chống địch ở N, xã C, trong khi triển khai chiến đấu bị trực thăng phóng rốc két; 3, ngay trên sọ não. Bị mảnh lựu đạn đánh địch quá cận tại thôn Đ, N, Q, chống địch nóng lán”. Giấy chứng nhận bị thương ngày 20/12/1977 của Ty Công an N1 cấp cho ông Bùi Văn P với các vết thương như ở bản khai nêu trên. Biên bản giám định thương tật số A225 GDYK/TT ngày 20/2/1978 của Hội đồng giám định y khoa Nghĩa Bình khám xác định tỷ lệ thương tật của ông Bùi Văn P là 7% với tình hình các vết thương như sau: “*Vết thương phần mềm mí trên mắt phải còn mảnh bằng hạt gạo, vt phần mềm 1/3 trên mặt trước đùi trái sọc đường kính 1,5cm, vt rách da đầu vùng đỉnh*”.

Trên cơ sở biên bản giám định thương tật số A225 nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định ngày 30/6/1978 về việc trợ cấp thương tật một

lần cho ông Bùi Văn P với số tiền 29,6 đồng (*Hai mươi chín đồng, sáu hào*). Quyết định này được ủy nhiệm cho đồng chí Đinh Xuân K, Trưởng T1 ký.

- Căn cứ xác lập hồ sơ thứ hai: Nghị định số 08/NĐ/76 ngày 17/6/1976 của Hội đồng chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam về chính sách, chế độ đối với thương binh liệt sĩ và gia đình liệt sĩ; Thông tư số 05-TT/76 ngày 17/6/1976 của Phủ Chủ tịch chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 08/NĐ/76.

Thành phần hồ sơ: Bản khai danh dự bị thương ông Bùi Văn P ngày 24/4/1990 khai bị thương vào tháng 11/1973, tháng 2/1974, tháng 5/1974, tháng 8/1974; nơi bị thương: xã C, P, H, Quy N và Nhơn P1, Quy N với các vết thương cụ thể: *“Mảnh đạn vào mắt phải vẫn còn, mảnh đạn vào mắt trước đùi chân trái, mảnh đạn vào đầu gối chân phải, mảnh đạn phớt trên đỉnh đầu (đã liền da)”*. Giấy chứng nhận bị thương số 310/NV-CNBT ngày 23/4/1990 của Giám đốc Công an tỉnh B cấp cho đồng chí Bùi Văn P với các vết thương: *“vt vào mắt phải còn mảnh, vt vào đùi trái, vt vào gối phải, vt vào đầu. Hiện tại đầu đau, mắt giảm thị lực, đi lại gặp khó khăn, thường xuyên tức ngực ho”*. Biên bản giám định thương tật số 471/ GĐYK/TT ngày 25/4/1990 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Định khám xác định tỷ lệ thương tật của ông Bùi Văn P là 21% với kết quả khám hiện tại các vết thương như sau: *“vt thùy đỉnh phần mềm sọ 1cm, 2 vết mí mắt phải còn mảnh dưới da. 1 vết phần mềm đùi trái sọ 2 x 2cm, 1 vết phần mềm gối phải sọ 2cm, sức ép tức ngực viêm phế quản mãn tính”*.

Trên cơ sở biên bản giám định thương tật số 471 nêu trên, Công an tỉnh B ban hành Quyết định số 311/PX13 ngày 29/5/1990 về việc xác nhận và cấp sổ thương binh cho ông Bùi Văn P hưởng trợ cấp thương tật hàng tháng khi đang công tác tại đơn vị PC12. Đến ngày 30/7/1990, ông Bùi Văn P được nghỉ thôi việc hưởng chế độ trợ cấp một lần, theo Quyết định số 05/PX13 ngày 02/7/1990 của giám đốc Công an tỉnh B. Ngày 11/12/1991, Công an tỉnh B có Giấy giới thiệu số 42/GT-CA chuyển hồ sơ thương binh ông Bùi Văn P đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B để quản lý và chi trả trợ cấp thương tật hàng tháng ở nơi cư trú.

Tiếp nhận, quản lý hồ sơ và xử lý hồ sơ trùng: Ngày 11/12/1991, Công an tỉnh B có Giấy giới thiệu số 42/GT-CA chuyển hồ sơ thương binh ông Bùi Văn P đến Sở L để chi trả trợ cấp thương tật hàng tháng cho ông Bùi Văn P ở nơi cư trú. Khi phát hiện ông Bùi Văn P trước đây đã khám thương tật hưởng trợ cấp thương tật, nên Sở L đã thông báo dừng chi trả trợ cấp, chờ ý kiến chỉ đạo của Sở L.

Qua triển khai rà soát hồ sơ thương binh đang quản lý, Sở L phát hiện ông Bùi Văn P đã xác lập trùng 02 hồ sơ thương binh nêu trên là không đúng theo quy định khoản 2 mục II Thông tư số 03/LĐTBXH-TBLS ngày 11/02/1988 của Bộ L về việc hướng dẫn một số điểm về công tác xác nhận và giải quyết quyền lợi đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh và xác nhận liệt sĩ hướng dẫn về việc kiểm tra, phát hiện và giải quyết những trường hợp xác nhận không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục như sau: “Việc giải quyết giám định của Hội đồng giám định y khoa tỉnh, thành phố đối với những thương binh đã được xác định thương tật vĩnh viễn và những người có tỷ lệ thương tật dưới 21% là không hợp lệ”. Đồng thời, theo khoản 1, mục III Thông tư số 03/LĐTBXH-TBLS về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện: “Củng cố Hội đồng xác nhận ở cấp xã, huyện và tương đương và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B để xem xét, kết luận những sai sót về xác nhận và những trường hợp khó. Ở Bộ, Vụ thương binh liệt sĩ tổ chức Hội đồng xác nhận giúp Bộ xem xét góp ý kiến đối với những trường hợp các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B và ngành gửi đến và báo cáo lên Hội đồng xác nhận Bộ quyết định những trường hợp còn vướng mắc”. Theo đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đã có văn bản đề xin ý kiến của Bộ L xem xét về những trường hợp xác lập trùng 02 hồ sơ. Ngày 08/3/1996, Bộ L có Công văn số 631/CSTBLS-CV phúc đáp về việc giải quyết các trường hợp đã khám thương tật một lần, nay lại lập lại hồ sơ, chỉ đạo như sau: *Những trường hợp trước đây đã lập hồ sơ thương tật, được Hội đồng giám định Y khoa khám xếp không hạng và đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần, sau đó lại lập hồ sơ mới để được giám định và hưởng tiếp trợ cấp thương tật là những trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 72 Nghị định số 28/CP của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (hoặc Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B được ủy quyền) ra quyết định dừng trợ cấp, thu hồi số tiền đã lĩnh, đồng thời yêu cầu cơ quan, đơn vị cấp Giấy chứng nhận bị thương có quyết định hủy bỏ và thu hồi giấy chứng nhận này.* Theo ý kiến của Bộ L tại văn bản nêu trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đã thực hiện việc dừng trợ cấp thương binh của ông Bùi Văn P từ năm 1996.

Giải quyết đơn của ông Bùi Văn P: Ngày 25/12/2015, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có nhận đơn của ông Bùi Văn P đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh đơn có nội dung: *Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tôi công tác tại đơn vị Trinh sát vũ trang thuộc Ban an ninh thị xã Q; trong quá trình chiến đấu, tôi đã lần lượt bị thương 4 lần, tất cả đều nằm ở Bệnh xá khu Đ, tỉnh Bình Định. Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền N, tôi đã khám thương tật tại Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Định, kết quả*

giám định lúc đó 17% và được hưởng tiền xương máu 17 đồng. Sau đó, tôi vẫn tiếp tục công tác trong lực lượng Công an tỉnh B, nhiều lần các vết thương tái phát, Công an tỉnh đã cho phép tôi làm hồ sơ khám thương tật lần thứ 2, năm 1989 tại Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Định và đã công nhận thương tật 4/4, đã được Công an tỉnh B cấp thẻ thương binh 4/4. Đến năm 1994, có thông báo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B thông báo cho tôi biết là tạm dừng cấp tiền hàng tháng chờ chủ trương chung của tỉnh giải quyết, nhưng chờ mãi vẫn không có ý kiến giải quyết của các cấp. Hiện tại hoàn cảnh tôi tuổi cao, sức yếu, kinh tế khó khăn do nghỉ công tác hưởng chế độ một lần vào năm 1990. Nay, tôi thiết tha kính mong quý cấp quan tâm giải quyết để tôi được hưởng chế độ thương binh sau hơn 21 năm chờ đợi. Ngày 11/01/2016, Sở L đã có Văn bản số 80/SLĐTBXH-NCC về việc trả lời đơn của ông Bùi Văn P. Năm 2024, ông Bùi Văn P có nhiều lần gửi đơn đến Sở L; Sở L đã 03 lần trả lời đơn cho ông tại các Văn bản: Số 1196/SLĐTBXH-NCC ngày 19/4/2024; 3093/SLĐTBXH-NCC ngày 05/9/2024 và Báo cáo số 2679/SLĐTBXH-NCC ngày 31/7/2024 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề xuất giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Văn P đồng thời có gửi ông Bùi Văn P để biết.

Ngày 12/7/2024, Sở L nhận được phiếu chuyển số 413/PC-BTCD về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Văn P. Sở L đã có Công văn số 2679/SLĐTBXH-NCC ngày 31/7/2024 về việc báo cáo đề xuất giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Văn P báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh B. Ngày 08/11/2024, Sở L có Văn bản số 3930/SLĐTBXH-NCC gửi Công an tỉnh B đề nghị phối hợp kiểm tra lại việc xác lập hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận bị thương của Công an tỉnh đối với 02 hồ sơ thương binh của ông Bùi Văn P.

Ngày 05/12/2024, tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - chủ trì cuộc họp để xem xét, giải quyết việc khiếu nại của ông Bùi Văn P yêu cầu giải quyết chi trả tiền trợ cấp thương binh hàng tháng theo chế độ chính sách cho ông; vì ông cho rằng năm 1989 ông được cấp thẻ thương binh và hưởng trợ cấp 50.000 đồng/tháng, đến năm 1994 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B thông báo tạm dừng chi trả, chờ chủ trương hướng dẫn của tỉnh, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Tham dự cuộc họp, có đại diện lãnh đạo: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở L tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Ban Tiếp công dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Q, Ủy ban nhân dân phường Đ (thành phố Q). Sau khi nghe các sở, ngành của tỉnh báo cáo nội dung, quá trình diễn biến của vụ việc, ý kiến tham gia của đại diện cơ quan dự họp; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - có ý kiến kết luận như sau: Về hồ sơ xác nhận thương binh đối với ông Bùi Văn P đã được Công an tỉnh N1 và Bình Định xác lập hai hồ sơ

và thực hiện chi trả trợ cấp cho ông Bùi Văn P. Qua kết quả kiểm tra hồ sơ của ông Bùi Văn P và căn cứ hướng dẫn của Bộ L - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 631/CSTBLS-CV ngày 08/3/1996 về việc giải quyết các trường hợp đã khám thương tật hưởng trợ cấp một lần nay lại lập lại hồ sơ, Sở L đã thực hiện dừng trợ cấp thương binh cho ông Bùi Văn P và trả lời cho ông Bùi Văn P tại Văn bản số 80/SLĐTBXH-NCC ngày 11/01/2016, Văn bản số 1196/SLĐTBXH-NCC ngày 19/4/2024 và Văn bản số 3093/SLĐTBXH-NCC ngày 05/9/2024 là đúng quy định của pháp luật. Giao Sở L chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Q và các cơ quan có liên quan tổ chức đối thoại để vận động, giải thích và thông báo kết quả cho ông Bùi Văn P biết, chấm dứt khiếu nại (có xác lập biên bản); Trường hợp ông Bùi Văn P không đồng ý, ban hành thông báo chấm dứt thụ lý theo quy định.

Thực hiện Thông báo kết luận số 493/TB-UBND ngày 06/12/2024 của đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - tại cuộc họp giải quyết khiếu nại của công dân trên địa bàn tỉnh. Thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 26/12/2024, tại Sở L, ông Phan Đình H - Phó Giám đốc Sở chủ trì mời Thanh tra tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Công an tỉnh, Ban Tiếp công dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Q và các ngành chức năng có liên quan tham gia đối thoại với ông Bùi Văn P. Ngày 14/01/2025, Sở L ban hành Thông báo số 01/TB-SLĐTBXH về việc chấm dứt tiếp nhận đơn và giải quyết vụ việc của ông Bùi Văn P.

Ý kiến đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B Nội vụ: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Văn bản số 80/SLĐTBXH – NCC ngày 11/01/2016, Văn bản số 1196/SLĐTBXH – NCC ngày 19/4/2024, Văn bản số 3093/SLĐTBXH – NCC ngày 05/9/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G). Buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) giải quyết để ông Bùi Văn P được hưởng lại trợ cấp thương binh theo quy định của pháp luật kể từ ngày Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B tạm dừng chi trả đối với ông Bùi Văn P từ năm 1994 đến nay là không có cơ sở để giải quyết. Do đó, Sở Nội vụ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P.

3. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an tỉnh G là ông Lê Tiến C - Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Công an tỉnh G trình bày:

Công an tỉnh G thống nhất với Công văn số 493/TB-UBND ngày 06/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (cũ).

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận thương binh đối với ông Bùi Văn P: Ông P đã xác lập 02 bộ hồ sơ để hưởng chế độ thương tật cụ thể:

Hồ sơ thứ nhất: Được xác lập năm 1977, gồm các tài liệu sau: Bản khai hưởng trợ cấp thương tật ngày 25/11/1977 của ông Bùi Văn P; Giấy chứng nhận bị thương đối với ông Bùi Văn P được Ty Công an N1 ký ngày 20/12/1977; Biên bản giám định thương tật số A225 GDYK/TT ngày 20/02/1978 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Nghĩa Bình ghi nhận ông Bùi Văn P được xác định tỉ lệ thương tật là 07% và Quyết định trợ cấp thương tật 01 lần cho ông Bùi Văn P với số tiền 29,60 đồng ngày 30/6/1978 của U. Việc xác lập hồ sơ thứ nhất là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập hồ sơ giải quyết chế độ thương tật đối với người có công cách mạng là ông Bùi Văn P.

Hồ sơ thứ hai được xác lập năm 1990, gồm các tài liệu sau: Bản khai danh dự bị thương ngày 24/4/1990 của ông Bùi Văn P; Giấy chứng nhận bị thương số 310/NVCNBT ngày 23/4/1990 của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Bình Định đối với ông Bùi Văn P ghi nhận ông P được xác định tỉ lệ thương tật là 21%. Xếp hạng 4/4 vĩnh viễn, tạm thời; Quyết định số 311/PX13 ngày 29/5/1990 của Giám đốc Công an tỉnh B về việc xác nhận và cấp sổ thương binh hạng 4/4, Loại A đối với ông Bùi Văn P được hưởng trợ cấp thương tật hàng tháng khi đang công tác: 1.534 đồng, khi về địa phương, kể từ ngày 01/12/1973.

Căn cứ quy định tại Điểm 2, Mục II (Kiểm tra, phát hiện và giải quyết những trường hợp xác nhận không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục), Thông tư số 03/LĐTBXH-TBLS ngày 11/02/1988 của Bộ L về hướng dẫn một số điểm về công tác xác nhận và giải quyết quyền lợi đối với thương binh, người hưởng chính sách thương binh, bệnh binh và xác nhận liệt sĩ: *“Việc giải quyết giám định ở Hội đồng giám định y khoa tỉnh, thành phố đối với những thương binh đã được xếp hạng thương tật vĩnh viễn và những người có tỷ lệ thương tật dưới 21% là không phù hợp. Riêng một số trường hợp có hạng thương tật giáp ranh mà có vết thương được nâng tỷ lệ theo tiêu chuẩn thương tật 4 hạng mới như: Mù mắt, cụt chi... đã được Bộ và Hội đồng giám định y khoa Trung ương phân cấp thì cũng phải giải quyết gọn và kết thúc vào quý I/1988. Các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B gửi quyết định điều chỉnh hạng thương tật về Bộ để lưu hồ sơ”* thì việc ông Bùi Văn P xác lập bộ hồ sơ thứ hai để hưởng chế độ thương tật (thương binh) là chưa bảo đảm quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập hồ sơ.

Ngày 02/7/1990, Giám đốc Công an tỉnh B đã ban hành Quyết định số 65/PX13 về việc cho ông Bùi Văn P thôi việc trong lực lượng Công an nhân dân về địa phương sản xuất kể từ ngày 30/7/1990 (theo đơn thôi việc của ông P).

Ngày 11/12/1991, Công an tỉnh B có Giấy giới thiệu số 42/GT-CA và đã chuyển hồ sơ thương binh của ông Bùi Văn P đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B để thực hiện theo quy định.

Ngày 05/9/2025, Sở Nội vụ tỉnh G có Công văn số 1632/SNV-TĐKT&NCC về việc hủy giấy chứng nhận bị thương đã cấp cho ông Bùi Văn P, Công an tỉnh đã gửi Công văn số 3880/CAT-PX01 ngày 10/11/2025 báo cáo đề nghị Cục Tổ chức cán bộ, Bộ C2 cho ý kiến về nội dung này để bảo đảm giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Yêu cầu Tòa án bác yêu cầu của ông Bùi Văn P.
- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính và đề nghị: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện:

Người khởi kiện ông Bùi Văn P yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 80/SLĐTBXH – NCC ngày 11/01/2016; Công văn số 1196/SLĐTBXH – NCC ngày 19/4/2024; Công văn số 3093/SLĐTBXH – NCC ngày 05/9/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) về việc trả lại đơn đề nghị hưởng lại chế độ thương binh của ông Bùi Văn P. Buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) giải quyết để ông Bùi Văn P được hưởng lại trợ cấp thương binh theo quy định của pháp luật kể từ ngày Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B tạm dừng chi trả đối với ông Bùi Văn P năm 1994 đến nay. Các công văn trả lời đơn trên có nội dung trả lời như một Quyết định hành chính nên đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 19/4/2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có Công văn 1196/SLĐTBXH-NCC và ngày 05/9/2024 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có Công văn 3093/SLĐTBXH-NCC về việc trả lại đơn đề nghị hưởng lại chế độ thương binh của ông Bùi Văn P. Không đồng ý với nội dung trả lời đơn tại các Công văn trên nên ngày 30/12/2024 ông P làm đơn khởi kiện đến Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính được Tòa án xem xét, thụ lý và giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với Công văn số 80/SLĐTBXH-NCC ngày 11/01/2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B về việc trả lại đơn đề nghị hưởng lại chế độ thương binh của ông Bùi Văn P đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, đây là Công văn có liên quan nên được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện:

Người khởi kiện khiếu kiện Quyết định hành chính của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) (trước sáp nhập) nên theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai).

[1.4] Về sự có mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về tính hợp pháp của công văn.

[2.1.] Về thẩm quyền ban hành công văn

Theo ông Bùi Văn P trình bày: Tháng 12/1971, ông P tham gia Cách mạng trực tiếp tại Ban an ninh thị xã Q, tỉnh Bình Định (sau này là Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định trước sáp nhập tỉnh). Trong quá trình công tác ông P bị thương 04 lần lúc đang chiến đấu với quân Mỹ nguy. Năm 1977, lãnh đạo Công an tỉnh B đã giới thiệu ông P đến Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Định để khám giám định thương tật, kết quả thương tật 7% mất sức lao động. Lúc đó ông P được nhận 17 đồng tiền trợ cấp một lần do mất sức lao động. Từ đó ông P vẫn tiếp tục công tác trong lực lượng Công an tỉnh B. Trong quá trình công tác các vết thương trong cơ thể ông P bị tái phát phải điều trị tại bệnh xá Công an tỉnh, sức khỏe của ông bị suy giảm. Tháng 4/1990 lãnh đạo Công an

tỉnh B cấp giấy giới thiệu cho ông P đến Trung tâm giám định y khoa tỉnh để khám giám định thương tật lần 2 và kết quả mất sức lao động là 21%. Trên cơ sở đó, Giám đốc Công an tỉnh B đã cấp Thẻ thương binh hạng 4/4 cho ông P, mỗi tháng nhận tiền trợ cấp là 50.000 đồng. Tháng 7/1990, ông P xin nghỉ việc vì lý do sức khỏe, lãnh đạo Công an tỉnh cho ông P nghỉ việc theo nguyện vọng. Sau đó, Công an tỉnh B đã chuyển hồ sơ thương binh của ông P đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B để tiếp tục nhận tiền trợ cấp hàng tháng. Tháng 4/1994, Sở L có Thông báo tạm dừng chi trả trợ cấp hàng tháng đối với ông P để chờ ý kiến giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Từ đó ông P chờ đợi mà không được cấp nào giải quyết. Vì không có cấp nào giải quyết nên ông P đã làm đơn gửi đến Sở L yêu cầu giải quyết chế độ.

Do ông Bùi Văn P có đơn gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B yêu cầu giải quyết chế độ trợ cấp thương binh nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có Công văn số 80/SLĐTBXH-NCC, ngày 11/01/2016 *v/v trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh* (viết tắt Công văn 80) gửi cho ông P. Không đồng ý với nội dung trả lời của Công văn 80, ông P tiếp tục có đơn đề nghị giải quyết chế độ thương binh gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đã có 02 Công văn số 1196/SLĐTBXH-NCC ngày 19/4/2024 (viết tắt Công văn 1196) và Công văn số 3093/SLĐTBXH-NCC ngày 05/9/2024 (viết tắt Công văn 3093) *v/v trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh của ông Bùi Văn P.*

Việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh của ông Bùi Văn P là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 05/2021/TT-TTCT, ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và Thông tư số 53/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 11/12/2015 của Bộ L hướng dẫn về quy trình tiếp công dân và xử lý đơn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành lao động - thương binh và xã hội.

[2.2] Về nội dung:

* Tại Công văn 80; Công văn 1196; Công văn 3093 *V/v trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh* gửi cho ông Bùi Văn P, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đều trả lời nội dung tương tự:

Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại Sở thì trường hợp của ông P đã xác lập 02 hồ sơ thương binh để hưởng chế độ, cụ thể:

Hồ sơ lần thứ nhất: Xác lập năm 1977, do Công an tỉnh N1 cấp Giấy chứng nhận bị thương ngày 20/12/1977, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Nghĩa

Bình khám giám định, xác định tỷ lệ thương tật 7% được hưởng trợ cấp thương binh một lần, với số tiền 29,6 đồng theo Quyết định ngày 30/6/1978 của UBND tỉnh N.

Hồ sơ lần thứ hai: Xác lập năm 1990, do Công an tỉnh B cấp Giấy chứng nhận bị thương số 310/VN-CNBT ngày 23/4/1990, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Định khám giám định, xác định tỷ lệ thương tật 21% theo Biên bản giám định thương tật số 471/GĐYK-TT ngày 02/4/1990, được cấp sổ thương binh và hưởng trợ cấp thương tật hàng tháng khi đang công tác theo Quyết định số 211/PX13 ngày 29/5/1990 của Giám đốc Công an tỉnh B.

Từ ngày 30/7/1990, ông Bùi Văn P được nghỉ thôi việc hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 65/PX13 ngày 02/7/1990 của Giám đốc Công an tỉnh B; Ngày 11/12/1991, Công an tỉnh B có giấy giới thiệu số 42/GT-CA chuyển hồ sơ thương binh đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B để chi trả trợ cấp thương tật hàng tháng cho ông Bùi Văn P. Khi phát hiện ông P trước đây đã khám thương tật hưởng trợ cấp một lần, sau đó lại lập hồ sơ mới để được giám định và hưởng tiếp trợ cấp thương tật nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đã thông báo dừng chi trả trợ cấp, chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ L.

Ngày 08/3/1996, Bộ L có Công văn số 631/CSTBLS-CV ngày 08/3/1996, Bộ L về việc giải quyết các trường hợp đã khám thương tật một lần, nay lại lập hồ sơ, chỉ đạo như sau: Những trường hợp trước đây đã lập hồ sơ thương tật được Hội đồng giám định Y khoa khám xếp không hạng và đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần, sau đó lại lập hồ sơ mới để được giám định và hưởng tiếp trợ cấp thương tật là những trường hợp vi phạm tại khoản 2 Điều 72 Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố (hoặc Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B được ủy quyền) ra quyết định dừng trợ cấp, thu hồi số tiền đã lĩnh, đồng thời yêu cầu cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận bị thương có quyết định hủy bỏ và thu hồi giấy chứng nhận này.

Như vậy, trường hợp của ông P xác lập hồ sơ để hưởng chế độ thương binh là không đúng quy định nên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đã dừng không thực hiện cho trả trợ cấp thương binh. Nay, ông đề nghị giải quyết cho hưởng lại trợ cấp thương binh là không đúng quy định nên không giải quyết theo yêu cầu của ông.

Qua xem xét nội dung Công văn 80; Công văn 1196; Công văn 3093 thì thấy Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đều căn cứ Công văn số 631/CSTBLS-CV ngày 08/3/1996 của Bộ L v/v giải quyết các trường hợp đã

khám thương tật một lần, nay lại lập hồ sơ (viết tắt là Công văn số 631) để trả lời dừng không thực hiện trả trợ cấp thương binh cho ông Bùi Văn P vì ông P xác lập hai hồ sơ để hưởng chế độ thương binh không đúng quy định.

* Tại Công văn 631 (bút lục số 70) của Bộ L trả lời Công văn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K và tỉnh Bình Định hỏi về việc xử lý đối với những trường hợp trước đây đã lập hồ sơ thương tật, được Hội đồng giám định Y khoa khám xếp không hạng và đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần, sau đó lại lập hồ sơ mới để được giám định và hưởng tiếp trợ cấp thương tật, Bộ L có ý kiến như sau:

1- Những trường hợp trên đây là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 72 Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (hoặc **Giám đốc Sở L được ủy quyền**) **ra quyết định dừng trợ cấp, thu hồi số tiền đã lĩnh, đồng thời yêu cầu cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận bị thương có quyết định hủy bỏ và thu hồi giấy chứng nhận này...**

2-

Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B thực hiện theo Công văn 631 của Bộ L, cụ thể:

- Không có quyết định dừng trợ cấp thương binh đối với ông Bùi Văn P và thu hồi số tiền ông P đã lĩnh.

- Không có văn bản yêu cầu cơ quan, đơn vị là Công an tỉnh B cấp giấy chứng nhận bị thương cho ông Bùi Văn P có quyết định hủy bỏ và thu hồi giấy chứng nhận thương binh của ông Bùi Văn P.

Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 55 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 19/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

1. Người giả mạo giấy tờ để được xem xét công nhận là người có công với cách mạng, hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thì bị thu hồi quyết định công nhận, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi và phải hoàn trả số tiền đã nhận.

2. Người khai báo gian dối giấy tờ để được hưởng thêm chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thì bị chấm dứt chế độ ưu đãi được hưởng thêm và phải hoàn trả số tiền đã nhận do khai báo gian dối.

3. Người chứng nhận sai sự thật hoặc làm giả giấy tờ cho người khác để được xem xét công nhận là người có công với cách mạng; người lợi dụng chức

vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền lợi của người có công với cách mạng thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Và theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định thủ tục, thời điểm tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi như sau: *Đối với những trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 55 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện có dấu hiệu khai man, giả mạo thì cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi ban hành Quyết định tạm dừng chế độ ưu đãi theo Mẫu số 72 Phụ lục số I Nghị định này và có văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị xác lập hồ sơ người có công xác minh, kết luận.*

Như vậy, từ năm 1994 đến nay Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) dừng chi trả chế độ thương binh đối với ông Bùi Văn P mà không ban hành Quyết định tạm dừng chế độ ưu đãi theo quy định. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông Bùi Văn P thì Sở Nội vụ tỉnh G mới có Công văn số 1632/SNV-TĐKT&NCC, ngày 05/9/2025 v/v *hủy Giấy chứng nhận bị thương đã cấp cho ông Bùi Văn P* gửi Công an tỉnh G và đề nghị Công an tỉnh G ban hành Quyết định hủy bỏ và thu hồi giấy chứng nhận bị thương số 310/NV-CNBT ngày 23/4/1990 của ông Bùi Văn P (cấp lần 02) (bút lục số 138) là vi phạm thủ tục, thời điểm tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công là ông Bùi Văn P theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Như vậy, căn cứ hướng dẫn của Bộ L tại Công văn số 631/CSTBLS-CV ngày 08/3/1996 về việc giải quyết các trường hợp đã khám thương tật hưởng trợ cấp một lần nay lại lập lại hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đã thực hiện dừng trợ cấp thương binh cho ông Bùi Văn P và trả lời cho ông Bùi Văn P tại Công văn số 80/SLĐTBXH-NCC ngày 11/01/2016, Công văn số 1196/SLĐTBXH-NCC ngày 19/4/2024 và Công văn số 3093/SLĐTBXH-NCC ngày 05/9/2024 là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P. Hủy Công văn số 80/SLĐTBXH-NCC ngày 11/01/2016; Công văn số 1196/SLĐTBXH-NCC ngày 19/4/2024; Công văn số 3093/SLĐTBXH-NCC ngày 05/9/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) v/v trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh đối với ông Bùi Văn P.

Buộc Sở Nội vụ tỉnh G thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh đối với ông Bùi Văn P theo đúng hướng dẫn của Bộ L.

[3] Về yêu cầu buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) giải quyết để ông Bùi Văn P được hưởng lại trợ cấp thương binh theo quy định của pháp luật kể từ ngày Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B tạm dừng chi trả đối với ông Bùi Văn P năm 1994 đến nay.

Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P yêu cầu hủy Công văn số 80/SLĐTBXH – NCC ngày 11/01/2016; Công văn số 1196/SLĐTBXH – NCC ngày 19/4/2024; Công văn số 3093/SLĐTBXH – NCC ngày 05/9/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) về việc trả lại đơn đề nghị hưởng lại chế độ thương binh của ông Bùi Văn P và buộc Sở Nội vụ tỉnh G thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh đối với ông Bùi Văn P theo đúng hướng dẫn của Bộ L. Nên, chưa có căn cứ để xét yêu cầu của ông Bùi Văn P về việc buộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) giải quyết để ông P được hưởng lại trợ cấp thương binh theo quy định của pháp luật kể từ ngày Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B tạm dừng chi trả đối với ông P năm 1994 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Bùi Văn P được chấp nhận nên người bị kiện là Sở Nội vụ tỉnh G phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 6, Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Căn cứ Khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 18/2/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh B khóa XIII, kỳ họp thứ 21 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh B V/v thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc Hội V/v sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Áp dụng:

Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 Ưu đãi người có công với Cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thông tư số 05/2021/TT-TTCP, ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Thông tư số 53/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 11/12/2015 của Bộ L hướng dẫn về quy trình tiếp công dân và xử lý đơn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành lao động - thương binh và xã hội;

Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng.

Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ L: Hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

Khoản 2 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định thủ tục, thời điểm tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Bùi Văn P đối với yêu cầu Tòa án hủy:

- Công văn số 80/SLĐTBXH-NCC ngày 11/01/2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) V/v trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh.

- Công văn số 1196/SLĐTBXH-NCC ngày 19/4/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) V/v trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh.

- Công văn số 3093/SLĐTBXH-NCC ngày 05/9/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (nay là Sở Nội vụ tỉnh G) V/v trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh.

Buộc Sở Nội vụ tỉnh G thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết trả lời đơn đề nghị giải quyết cho hưởng lại chế độ thương binh đối với ông Bùi Văn P theo đúng hướng dẫn của Bộ L.

2. Về án phí: Buộc Sở Nội vụ tỉnh G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Riêng người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Như Phượng